| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án số:10/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 26/7/2021
V/v: " *Thay đổi người trực tiếp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Các thẩm phán:*Ông Nguyễn Minh Tân

Ông Nguyễn Xuân Trường

***- Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Thúy Hà- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, về việc " *Thay đổi người trực tiếp nuôi con".* Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2021/HNGĐ-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo và bị kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2021/QĐXXPT – HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

ĐKHKTT: Thôn N, xã Q, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Xóm 4, thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 365 Nguyễn Hữu C, phường C, thành phố Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L: Bà Luân Thị N – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Kết Nối – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân M, sinh năm 1988 .

ĐKHKTT: Thôn N, xã Q, huyện K, tỉnh Hải Dương (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh M: Bà Vũ Thị M - Luật sư thuộc văn phòng luật sư Bảo Chánh – Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương ( Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T, sinh năm 1964 và bà Vũ Thị Th, sinh năm 1968 ( Ông T có mặt, bà Th vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn N, xã Q, huyện K, tỉnh Hải Dương.

4.Người kháng cáo: Anh Lê Xuân M.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Trước đây chị và anh M là vợ chồng, do vợ chồng có mâu thuẫn nên năm 2019 anh chị đã được Tòa án nhân dân huyện K giải quyết cho ly hôn. Theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 171/2019/QĐST- HNGĐ ngày 12/9/2019, Tòa án nhân dân huyện K đã giao con chung là cháu Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31/01/2016 cho anh M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh M là 1.500.000đ/tháng tính từ tháng 9/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị L có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên sau khi ly hôn đến nay, anh M không trực tiếp nuôi con mà để cho ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong khi ông bà nội bận buôn bán, không có ai kèm cặp dạy cháu học. Anh M làm nghề in ấn quảng cáo, bận đi làm, nhiều hôm không về nhà nên không có thời gian chăm sóc con. Khi A ở cùng ông bà nội, gia đình anh M cản trở chị trong việc thăm nom, chăm sóc A, không cho chị đón con đi chơi. Đỉnh điểm vào tết nguyên đán Canh tý năm 2020, chi xin phép đón con về nhà chơi, nhưng gia đình anh M không đồng ý, uy hiếp, đánh chị nên Công an xã Q phải xuống hòa giải, can thiệp. Nay A còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, mặt khác chị làm giáo viên Trường THPT Ninh Giang II, có nhiều thời gian chăm sóc con, bố mẹ chị còn mạnh khỏe có thể hỗ trợ chị trong việc nuôi dưỡng con với điều kiện tốt nhất. Vì vậy, chị đề nghị được nuôi cháu Lê Nguyễn Ngọc A cho đến khi trưởng thành, tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Tại biên bản lấy lời khai biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Lê Xuân M trình bày: Anh và chị L trước đây là vợ chồng, do mâu thuẫn nên chị L đã làm đơn ly hôn, anh nhất trí và hai bên đã thỏa thuận về việc giải quyết được toàn bộ vụ án. Theo thỏa thuận, anh là người nuôi con chung Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31/01/2016, chị L cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh hàng tháng 1.500.000đ kể từ tháng 9/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Nay chị L xin thay đổi nuôi con, anh không nhất trí vì anh nuôi A vẫn đảm bảo đầy đủ, phát triển bình thường, chị L không thực hiện đầy đủ việc trợ cấp, nuôi con theo đúng quyết định của Tòa án nên không đảm bảo được quyền lợi của con. Mặt khác chị L không có chỗ ở riêng mà vẫn ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, công việc không ổn định, đang làm giáo viên hợp đồng, thu nhập thấp không đảm bảo quyền lợi cho con chung. Trong khi đó anh làm nghề in quảng cáo và kinh doanh vận tải thuê lái xe, thu nhập trung bình khoảng 25 triệu đến 30 triệu đồng/tháng, bố mẹ anh giao cho anh sử dụng ngôi nhà trong làng, chỗ ăn ở rộng rãi, hàng ngày đi làm anh đưa con đi học, đến trưa, tối anh đều về. Do chỉ có 2 bố con nên anh có nhờ ông, bà nấu cơm hộ và nhờ ông nội đón con. Tối anh vẫn đến đón con về chăm sóc. Cháu Ngọc A được anh cho đi học lớp mẫu giáo từ lúc 26 tháng tuổi đến nay. Anh có trao đổi

với nhà trường về việc chị L thăm con thì được, còn đón con nếu không có ý kiến của anh thì không cho đón. Có việc gần tết nguyên đán năm 2020 chị L có đến đón con nhưng gia đình anh không cho đón vì đang có dịch, hai bên xảy ra xô xát, chị L có tát mẹ anh, nên em trai anh đã vào can ngăn, đẩy chị L ra, hai bên xô sát to tiếng và phải nhờ công an xã Q đến giải quyết.

Anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao con cho anh nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao con cho chị L nuôi dưỡng thì phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phải cam kết giáo dục nuôi dưỡng con nên người. Anh không nhất trí cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị L.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T và bà Vũ Thị Th trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh M, là ông bà nội của cháu Lê Nguyễn Ngọc A. Sau khi ly hôn anh M là người chăm sóc, nuôi dưỡng A, A ở với anh M là chính, ông bà chỉ hỗ trợ đưa đón A đi học. Có sự việc đầu năm 2020, chị L vào nhà ông bà đòi đón con, nhưng ông bà chỉ là người trông con hộ anh M, không có quyền cho đón hay không, nên chị L lu loa làm ầm ĩ, dẫn đến Công an xã Q phải xuống can thiệp. Khi anh M về chị L cũng không hỏi anh M nên anh M cũng không cho chị L đón con. Trường hợp, Tòa án tiếp tục giao con cho anh M nuôi dưỡng, vợ chồng ông bà sẽ hỗ trợ thêm cho anh M và tạo điều kiện tốt nhất để cho anh M nuôi con.

- Người làm chứng ông Nguyễn Quốc B và bà Đỗ Thị C trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị L, là ông bà ngoại của cháu Lê Nguyễn Ngọc A. Sau khi ly hôn, do anh M bận công việc nên không trực tiếp chăm con mà để ông bà nội chăm sóc cháu. Nhiều lần chị L đến thăm con, nhưng bố mẹ anh M tỏ thái độ không thích, hằn học, gây khó khăn. Nay chị L có đơn đề nghị thay đổi nuôi con, nếu chị L được nuôi dưỡng A, ông bà sẽ tạo điều kiện, hỗ trợ chị L về chỗ ăn ở và chăm sóc con với những điều kiện tốt nhất.

- Kết quả làm việc với đại diện Ủy ban nhân dân xã Q ( Viết tắt là UBND) và các đoàn thể có liên quan đều cung cấp: Sau khi anh M và chị L ly hôn, anh M ở ngôi nhà trong làng, còn ông T, bà Th (là bố mẹ đẻ anh M) ở ngoài mặt đường kinh doanh. Cháu Lê Nguyễn Ngọc A chủ yếu do ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do anh M làm nghề tự do nên địa phương không xác định được mức thu nhập cụ thể là bao nhiêu, còn thu nhập bình quân của người dân địa phương là khoảng 5 triệu đến 6 triệu đồng /tháng. Có một vài lần chị L đến thăm con nhưng ông T, bà Th, anh M cản trở việc thăm nom, đón con, chị L đã nhiều lần đến chính quyền địa phương trình báo sự việc, có lần Công an xã Q phải xuống hòa giải, can thiệp. Nay chị L có đơn xin thay đổi nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Kết quả làm việc với đại diện Trường mầm non Q và giáo viên chủ nhiệm lớp mầm non 4 tuổi B đều được cung cấp: Hiện tại cháu Lê Nguyễn Ngọc A đang theo học lớp 4 tuổi B, cháu đi học đầy đủ, sáng bố đưa đến lớp, chiều ông đón cháu, cháu M khỏe, ngoan, lễ phép nhưng còn rụt rè, chưa tự tin, có lúc buồn. Sau

khi ly hôn chị L thường xuyên đến trường thăm con. Anh M có đóng góp đầy đủ. Đầu năm học, anh M có trao đổi nếu chị L đến thăm con thì được, nếu không có ý kiến của anh thì không cho đón. Nay chị L có đơn xin thay đổi nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2021/HNGĐ-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện K đã áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 , Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 471 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Nguyễn Ngọc A đến khi A trưởng thành ( đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 7/5/2021 anh Lê Xuân M kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và đề nghị giao cho anh được trực tiếp nuôi con.

Ngày 11/5/2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện K có quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L là vi phạm về việc đánh giá chứng cứ dẫn đến làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Tại phiên tòa anh M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Chị L có quan điểm: Không đồng ý nội dung kháng cáo và nội dung kháng nghị. Đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L có quan điểm: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, căn cứ lời khai của những người làm chứng là ông G, bà T có cơ sở chứng minh anh M và gia đình đã ngăn cấm chị L, không cho chị gặp con và đón con. Thực tế từ khi ly hôn chị L mới chỉ được đón con 1 lần, như vậy là xâm phạm đến quyền làm mẹ của chị L. Về điều kiện kinh tế chị L là giáo viên và làm thêm nghề thêu ren nên có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian khi được nuôi A. Ngoài ra chị L hiện ở với bố mẹ đẻ, có chỗ ở rộng rãi. Bà C, ông B là bố mẹ đẻ của chị L cam kết sẽ hỗ trợ chị L nếu chị được nuôi con. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, Giao A cho chị L nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L có quan điểm: Không đồng ý với biên bản xác minh ngày 06/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện

K. Căn cứ biên bản xác minh tại cấp sơ thẩm cho thấy có việc anh M và gia đình ngăn cản việc chị L đến thăm con dẫn đến 2 bên xô sát. Nếu để A sống trong môi trường như vậy sẽ ảnh hưởng không tốt. Đối với chị L có tư cách đạo đức tốt đã được mọi người trong họ hàng và nhà trường xác nhận. A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh M là người không đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh M có quan điểm: Thực tế sau khi ly hôn anh M được giao nuôi con, anh M đã tạo điều kiện cho Chị L đón con 2 lần và tạo điều kiện cho chị L được thăm con. Anh M có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện về kinh tế khi được giao nuôi con. Khi ở với anh M A được chăm sóc đầy đủ, sức khỏe tốt, có xác nhận của chính quyền địa phương, các đoàn thể, nhà trường và hàng xóm gần nhà anh M. Do vậy để tránh việc xáo trộn ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh M được tiếp tục nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ kết quả xác minh cũng như các tài liệu có trong hồ sơ chưa có căn cứ xác định anh M ngăn cản chị L thăm gặp A, việc chị L đón con phải được sự đồng ý của anh M là đúng. Về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng A thì cả anh M và chị L đều có đủ điều kiện. Tuy nhiên về chỗ ở anh M được bố mẹ cho sử dụng nhà đất riêng nên có điều kiện hơn so với chị L. Thực tế trong thời gian A ở với anh M cháu phát triển tốt, được nhà trường tặng giấy khen. Anh M là người trực tiếp đóng góp các khoản tiền học tập cho cháu tại trường và cũng là người trực tiếp đưa cháu đi học. Do vậy, xét một cách toàn diện anh M có điều kiện nuôi dưỡng A tốt hơn chị L. Việc Tòa án huyện K giao con cho chị L nuôi dưỡng là không xem xét, đánh giá khách quan toàn diện chứng cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện K, chấp nhận kháng cáo của anh Lê Xuân M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tiếp tục giao cháu Lê Nguyễn Ngọc A cho anh M nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xem xét quan điểm của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lê Xuân M kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện K kháng nghị trong thời gian luật định nên kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của anh Lê Xuân M, Hội đồng xét xử thấy:

Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 171/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện K thì anh M là người được giao nuôi cháu Lê Nguyễn Ngọc An. Thực tế từ khi được giao nuôi con cho đến nay anh M vẫn thực hiện tốt nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Ngọc An được đi học và phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Xem xét về điều kiện nuôi dưỡng con của anh M thì thấy:

- Về điều kiện kinh tế: Anh M làm nghề quảng cáo nên có thu nhập ổn định, ngoài ra anh M còn làm thêm những công việc khác nên theo anh M thì thu nhập bình quân 1 tháng của anh khoảng từ 25.000.000đồng - 30.000.000đồng. Anh M còn cung cấp 1 sổ tiết kiệm ngày 26/4/2021 với số tiền là 400.000.000đồng. Chị L cho rằng số tiền tiết kiệm này là tài sản chung vợ chồng, khi ly hôn chị đã để lại cho anh M quản lý để anh M sử dụng vào việc nuôi con. Tuy nhiên theo anh M đây là số tiền của cá nhân anh, anh cung cấp cho Hội đồng xét xử mục đích để chứng minh điều kiện kinh tế của mình. Hội đồng xét xử thấy chị L không đưa ra được căn cứ chứng minh số tài sản này là tiền chung của chị và anh M. Mặt khác, giả sử số tiền này là tiền chung của vợ chồng để sử dụng vào việc nuôi con, nhưng từ khi được giao nuôi con cho đến nay anh M vẫn chưa cần sử dụng đến số tiền này, điều đó chứng tỏ thực tế anh M có thu nhập ổn định và đủ khả năng kinh tế để nuôi con.

Bên cạnh đó qua văn bản xác nhận ngày 06/5/2021 của Ban giám hiệu trường mầm non xã Q và các giáo viên chủ nhiệm của A cho thấy, trong quá trình A học tại trường, anh M là người trực tiếp đóng tiền học đầy đủ và các chi phí khác cho con. Ngoài ra còn có việc anh M tham gia ủng hộ nhà trường về các khoản tiền xây dựng, quỹ lớp.... Điều này phù hợp với lời khai của anh M là anh luôn tạo điều kiện tốt nhất về vật chất và tinh thần để A được phát triển một cách toàn diện.

- Xem xét về điều kiện chỗ ở của anh M thì thấy: Theo anh M, hiện tại anh được bố mẹ cho sử dụng nhà đất tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 15, diện tích 297 $m^2$ địa chỉ: thôn N,xã Q, huyện K, tỉnh Hải Dương nên anh có đủ điều kiện về chỗ ở khi nuôi con. Lời khai của anh M phù hợp với lời khai của ông T, bà Th là bố mẹ đẻ của anh M xác định đã cho anh M sử dụng nhà đất, phù hợp với Giấy ủy quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông T, bà Th và anh M ngày 02/12/2020 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Q.

-Về việc chăm sóc và nuôi dưỡng con: Qua xác minh tại trường mầm non xã Q nơi A học tập cho thấy, A thường xuyên được bố đưa đi học vào buổi sáng, còn chiều về thì ông nội đón. A khỏe M, ngoan ngoãn. Các khoản đóng góp cho cháu ở trường đều do bố cháu đóng góp. Ông T, bà Th xác nhận trên thực tế ông bà có hỗ trợ anh Tiến trong việc nuôi con, còn hàng ngày chủ yếu cháu ở với anh M, việc chị L cho rằng khi đến thăm con đều thấy A ở với ông bà là do chị L hay đến thăm con vào thứ bẩy và chủ nhật, những ngày đó A nghỉ học nên ông bà trông A phụ giúp anh M. Như vậy, căn cứ kết quả xác minh tại trường mầm non xã Q, căn cứ lời khai của ông T, bà Th không có cơ sở xác định anh M không nuôi con mà để con cho bố mẹ nuôi hộ như chị L trình bày.

Theo chị L thì anh M và gia đình đã ngăn cản chị khi chị thăm đón con, đây chính là lý do chủ yếu chị yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên trên thực tế chị L thừa nhận chị vẫn thường xuyên đến thăm con tại trường học và tại nhà của ông T, bà Th. Sau khi ly hôn chị cũng đã 2 lần được đón con về chơi. Thực tế có việc vào thời điểm cuối năm 2020 chị L đã đến gia đình anh M xin đón con nhưng anh M không đồng ý, dẫn đến 2 bên xảy ra xô sát. Tuy nhiên theo anh M thời điểm chị L đón con cũng là thời điểm đang có dịch covid ở địa phương nên anh đã không đồng ý cho chị L đón con. Lời khai của anh M phù hợp với biên bản xác minh ngày 6/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K khi làm việc với ông Nguyễn Trung Đ- Công an viên xã Q, là người được Ủy ban nhân dân xã Q cử xuống làm việc khi 2 bên xảy ra xô sát. Do vậy chưa đủ cơ sở cho rằng anh M cản trở việc chị L khi đón con.

Tại cấp phúc thẩm chị L cung cấp 01 USB trong đó thể hiện nội dung khi chị L hỏi A có muốn ở với mẹ không, thì cháu L đồng ý. Tuy nhiên A chưa đủ 7 tuổi, theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định chỉ phải xem xét nguyện vọng của con khi con từ đủ 7 tuổi trở lên. Chị L cũng cung cấp được các căn cứ chứng minh về điều kiện kinh tế, về việc bố mẹ đẻ sẽ hỗ trợ chị nếu chị được nuôi con, nên Hội đồng xét xử xác định chị L cũng có đủ điều kiện nếu được giao nuôi con. Tuy nhiên đây là vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình quy định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:

1.Cha mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con.

2.Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh M không đồng ý để chị L nuôi cháu Ngọc A, đồng thời anh M đã đưa ra được căn cứ chứng minh anh hoàn toàn có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con. Thực tế A từ khi ở với anh M cho đến nay đều phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do vậy không có căn cứ thay đổi người nuôi con theo yêu cầu khởi kiện của chị L. Để ổn định cuộc sống của cháu nên tiếp tục giao A cho anh M nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy kháng cáo của anh M có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết anh M có quan điểm không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh M nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh M được giao nuôi con nhưng phải có trách nhiệm tạo điều kiện cho chị L thăm nom, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

[3].Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Hội đồng xét xử thấy, do quyết định kháng nghị có nội dung cùng với nội dung kháng cáo của anh M nên có căn cứ chấp nhận.

[4].Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do anh M kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.*

Chấp nhận kháng cáo của anh Lê Xuân M. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện K. Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2021/HNGĐ-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương như sau:

Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 , Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

2.Giao cho anh Lê Xuân M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31/1/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0009961 ngày 10/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Chị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Lê Xuân M không phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm. Hoàn trả anh M số tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0010094 ngày 10/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- *VKSND tỉnh Hải Dương.*
- *VKSND huyện K.*
- *TAND huyện K.*
- *Chi cục THA huyện Tứ Kỳ.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ, Tòa án.*

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

( Đã Ký)

**Nguyễn Thị Thu Hiền**